

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 8 - 2025

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Phụng
- Bà Nguyễn Thị An

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Kim O**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: đội 10, thôn H, xã T, huyện T1, tỉnh T2 (nay là xã T1, tỉnh H1) (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T3**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là phường T4, tỉnh H1) (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Kim O** trình bày:

Chị và anh **Bùi Văn T3** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là UBND phường T4, tỉnh H1) vào ngày 30/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình anh T3

tại thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là phường T4, tỉnh H1). Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau khi sinh con được khoảng 10 ngày giữa chị và anh T3 có xảy ra cãi vã trong sinh hoạt nên chị đã bế con về nhà mẹ đẻ ở tại thôn H, xã T, huyện T1, tỉnh T2 (nay là xã T1, tỉnh H1). Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Từ khi đi, anh T3 chỉ qua gặp chị và thăm con được 02 lần vào khoảng cuối tháng 12/2023, từ đó đến nay anh T3 không liên lạc gì với chị nữa và cũng không gửi tiền chu cấp cho con. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T3.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023. Hiện nay cháu U đang ở cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con. Hiện chị O đang lao động tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Chị và anh T3 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn anh Bùi Văn T3 không đến Tòa án giải quyết và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn S, sinh năm 1963; Trú tại: đội 10, thôn H, xã T, huyện T1, tỉnh T2 (nay là đội 10, thôn H, xã T1, tỉnh H1), là bố đẻ của chị Phạm Kim O trình bày:*

Chị O, anh T3 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh T3 tại thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2. Quá trình chung sống, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T3 không tu trí làm ăn, hay chơi bời, cờ bạc mặc dù đã khuyên giải nhưng anh T3 vẫn không thay đổi nên giữa chị O, anh T3 thường xuyên xảy ra cãi vã. Trong thời gian chị O mang thai và cả sau khi chị O sinh con, anh T3 cũng không quan tâm, hỏi han gì. Sau khi chị O sinh con, gia đình ông có lên thăm mẹ con chị O, thấy tình trạng như vậy nên gia đình ông đã xin cho mẹ con chị O về ngoại để tiện chăm sóc. Từ khi chị O về ngoại, anh T3 cũng chỉ có 1-2 lần về qua thăm mẹ con chị O vào khoảng cuối tháng 12/2023. Chỉ có duy nhất 1 lần anh T3 sang có gửi cho ông 900.000 đồng và bảo gửi ông bà chăm con. Từ đó đến nay không thấy anh T3 qua lại thăm mẹ con chị O, cũng không chu cấp gì cho mẹ con chị O. Vợ chồng chị O, anh T3 cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, hỏi han gì nữa. Nay chị O có đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023.

Hiện cháu U đang ở cùng với chị O và gia đình ông. Trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét cho chị O được quyền nuôi con. Hiện hai mẹ con O đang ở cùng với gia đình ông, gia đình có nhà cửa cũng thoải mái, ông bà hiện tại sức khỏe tốt có thể hỗ trợ chị O trong việc trông nom, chăm sóc con cho chị O trong thời gian chị O đi làm. Hiện chị O đang lao động tự do, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông không có ý kiến gì.

*\* Biên bản xác minh ngày 13/5/2025, ông Vũ Văn H2 - Trưởng thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là phường T4, tỉnh H1) cung cấp:*

Chị Phạm Kim O và anh Bùi Văn T3 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh T3 tại thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết. Địa phương chỉ nắm được hiện hai anh chị đã ly thân, chị O đã bế con về nhà đẻ ở. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh T3, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023. Trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung, nợ chung gì của ai hay không, địa phương không nắm được. Địa phương được biết anh T3 đi làm shipper, không biết anh T3 làm cho đơn vị nào và không biết thu nhập hàng tháng của anh T3 là bao nhiêu. Thời gian làm việc của anh T3 đi về thất thường nên Tòa án xuống làm việc không lấy được ý kiến của anh T3.

*\* Biên bản xác minh ngày 13/6/2025, bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là phường T4, tỉnh H1), là mẹ đẻ của anh Bùi Văn T3 trình bày:*

Anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình bà. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị không thấy cãi nhau, đánh nhau hay có mâu thuẫn gì. Sau khi sinh con khoảng đến tháng 12/2023 không biết lý do vì sao chị O bế con về nhà đẻ ở. Từ đó đến nay chị O không về lại nhà lần nào nữa. Từ khi chị O đi, anh T3 có qua để đón về nhưng chị O không về. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh T3, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023. Trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản: Anh chị không đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án, nếu Tòa án gửi văn bản tố tụng cho anh T3 thì cứ gửi về địa chỉ nhà bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho anh T3.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Kim O ly hôn với anh Bùi Văn T3. Về con chung: Giao con chung Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023 cho chị Phạm Kim O trực tiếp nuôi dưỡng, anh T3 không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T3 không có văn bản nào gửi về Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phân tài sản, không có lời khai về phân tài sản nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại thôn Q, xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là phường T4, tỉnh H1) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Phạm Kim O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn T3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Kim O và anh Bùi Văn T3 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2022, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị O trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi, sau khi sinh con khoảng 10 ngày chị đã bế con về nhà đẻ ở cho đến nay và anh chị đã sống ly hôn từ đó, mỗi người ở một nơi. Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T3. Quá trình giải quyết, anh T3 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai, không trình bày quan điểm về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện bản thân anh T3 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị O. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của chị O, anh T3 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Kim O ly hôn anh Bùi Văn T3 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Kim O và anh Bùi Văn T3 có một con chung là Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị O. Ly hôn chị O có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con. Chị O trình bày chị hiện đang lao động tự do, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết, anh T3 không trình bày quan điểm về việc nuôi con. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, nên giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T3 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về tài sản: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T3 không có văn bản nào gửi Tòa án thể hiện quan điểm của mình về phần tài sản, không có lời khai về phần tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Kim O được ly hôn anh Bùi Văn T3.

2. Về con chung: Xử giao con chung Bùi Phạm Nhã U, sinh ngày 06/12/2023 cho chị Phạm Kim O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn T3 không phải cấp dưỡng cho con.

Anh T3 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Kim O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên) theo biên lai thu số 0000173 ngày 28/4/2025 thành án phí).*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Kim O và bị đơn anh Bùi Văn T3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, thành phố T2, tỉnh T2 (nay là UBND phường T4, tỉnh H1); GCNKH số 75 ngày 30/12/2022).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Khánh Linh**



